**TUẦN 12**

***Thứ hai, ngày 25 tháng 11 năm 2024***

Hoạt động trải nghiệm 1

**SINH HOẠT DƯỚI CƠ- TRANG TRÍ CÂY TRI ÂN**

**I. Yêu cầu cần đạt:** Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết một hình thức thể hiện tình cảm của bản thân để tỏ lòng biết ơn, đó là trang trí Cây tri ân bằng những bông hoa, tấm bưu thiếp tự làm với những lời hay, ý đẹp về thầy cô.

- Hiểu được ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11 là để tri ân thầy cô giáo.

**II. Chuẩn bị**

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu tuần.  + Ổn định tổ chức.  + Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ.  + Đứng nghiêm trang.  + Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca.  + Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờ chương trình của tiết chào cờ.  + Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.  +Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần.  2. Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.  - Nhà trường tổ chức cho HS trang trí Cây tri ân theo gợi ý dưới đây:  - Mỗi khối lớp chuẩn bị 1 Cây tri ân, có thể là cây thật chậu cây cảnh) hoặc bức  tranh vẽ cây gắn trên bảng phụ (như SGK).  - Mỗi HS mang những tấm thiếp, bài thơ, bài văn, lời chúc tốt đẹp dành tặng  thầy cô đã chuẩn bị sẵn để gắn lên Cây tri ân của khối lớp mình.  - HS tham quan Cây tri ân của của các khối lớp (tổ chức theo kĩ thuật phòng tranh): Mỗi khối lớp cử một số bạn giới thiệu về Cây tri ân của khối lớp mình với các bạn, những HS còn lại đi quan sát, học tập, đánh giá về Cây tri ân của khối lớp khác. | - HS thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS chia sẻ về bài học các em rút ra được qua hoạt động trang trí và triển lãm Cây tri ân. |

-----------------------------------------------

Tiếng Việt

**BÀI 58: ĂN, ĂT (Tiết 1,2)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần **ăn, ăt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ăn, ăt.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ăn,** vần **ăt.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Ở nhà Hà** (biết điền, đọc thông tin trong bảng).

- Viết đúng các vần **ăn, ăt;** các tiếng **chăn, mắt** (trên bảng con).

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu gia đình

**II. Đồ dùng dạy học:**

**-** Phiếu ghi nội dung BT đọc hiểu.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Mở đầu**  - 2 HS đọc bài, 1 HS trả lời câu hỏi: Ai có công tóm cổ tên quạ kẻ trộm?  **+** Giới thiệu bài: Vần **ăn, ăt.**  **2. Hình thành kiến thức mới** (BT 1: Làm quen)  **\* HĐ1:** Dạy vần **ăn.**  - HS nhận biết: **ă - nờ - ăn.**  - Cả lớp đọc: **ăn.**  - Phân tích vần **ăn.**  - Đánh vần và đọc: **ă - nờ - ăn / ăn.**  - HS nói: **chăn.**  - Phân tích tiếng **chăn.**  - Đánh vần, đọc: **chờ - ăn - chăn / chăn.**  - Đánh vần, đọc trơn: **ă - nờ - ăn / chờ - ăn - chăn / chăn.**  **\* HĐ2.** Dạy vần **ăt** (như vần **ăn)**  - Đánh vần, đọc trơn**: ă - tờ - ăt / mờ - ăt - măt - sắc - mắt / mắt.**  **+ Củng cố:** HS nói 2 vần mới học: **ăn, ăt,** 2 tiếng mới học: **chăn, mắt.**  **3. Luyện tập, vận dụng**  **\* HĐ1:** Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có vần **ăn**? Tiếng nào có vần **ăt**?)  - HS đọc từng từ ngữ: chim cắt, củ sắn,... GV giải nghĩa: **chim cắt.**  - Tìm tiếng có vần ăn, vần ăt.  - GV chỉ từng từ.  - Nói thêm 3 - 4 tiếng ngoài bài có vần **ăn**, **ăt**  **\* HĐ2:** Tập viết (bảng con - BT 4)  **ăn, chăn, ăt, mắt.**  - GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu.  - Yêu cầu HS viết 2 lần.  **Tiết 2**  **\* HĐ3: Tập đọc**  - GV giới thiệu bài **Ở nhà Hà** nói về gia đình Hà. GV chỉ tranh, hỏi:  a. GV đọc mẫu - đọc rõ ràng, việc làm của từng người.  b. Luyện đọc từ ngữ: **giúp má, sắp cơm, cho gà ăn, rửa mặt, dắt xe đi làm.**  c. Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có 9 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.  d. Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (2 / 3 /4 câu); thi đọc cả bài.  g. Tìm hiểu bài đọc  Xác định YC: Dựa vào bài đọc, điền (miệng) thông tin vào những chỗ trống có dấu (...) để hoàn chỉnh bảng kể công việc của từng người trong nhà Hà.  - GV chỉ từng từ ngữ (theo chiều ngang, từ trái qua phải), GV giúp HS điền nhanh thông tin vào bảng.  - Tìm tiếng ngoài bài có vần **ăn, ăt.**  **-** GV nhận xét, khen ngợi.  **4. Dặn dò**  - Về ôn lại bài và tìm những tiếng, từ có vần ăn, ăt viết vào vở ô li. | **-** 2 HS đọc: **Tóm cổ kẻ trộm** (bài 57).  - 1 HS trả lời.  - Đọc vần **ăn (**ĐT)  - HS phân tích: L, T, CN.  - HS đánh vần. L, T, CN.  - HS nói.  - HS phân tích:  - HS đánh vần.  - HS đánh vần, đọc trơn.  - HS thực hiện.  - HS nói.  - HS đọc.  - HS đọc từ ngữ.  - HS lắng nghe.  - HS tìm, báo cáo trước lớp.  - Cả lớp đọc nhỏ: Tiếng (chim) cắt có vần **ăt.** Tiếng (củ) sắn có vần **ăn**...  - HS nói ( Cá nhân)  - HS đọc: **ăn, chăn, ăt, mắt.**  - HS chú ý theo dõi, lắng nghe.  - Viết bảng con 2 lần.  - HS chú ya lắng nghe.  - Trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe.  - HS luyện đọc từ ngữ.  - HS luyện đọc câu.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  - HS thi đọc bài.  - HS làm bài trong VBT.  - 1 HS báo cáo kết quả.  -Cả lớp chốt lại thông tin đúng, đọc nhỏ bảng kết quả.  - HS tìm và đọc to trước lớp.  - HS nghe để thực hiện. |

*--------------------------------------------------------*

***Thứ ba, ngày 26 tháng 11 năm 2024***

Tiếng Việt

BÀI 59: ÂN, ÂT (T 1,2)

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết vần **ân, ât;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ân, ât.**

- Nhìn chữ, hoàn thành trò chơi: sút bóng vào khung thành có vần **ân,** vần **ât.**

- Đọc đúng, hiếu bài Tập đọc *Chủ nhật.*

- Viết đúng các vần **ân, ât,** các tiếng **cân, vật** (trên bảng con).

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ và cẩn thận cho học sinh.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Máy chiếu để chiếu lên bảng lớp hình ảnh của BT 2 hoặc 1 bộ hình khung thành và các thẻ tròn hình quả bóng.

-5 thẻ chữ ghi nội dung BT đọc hiểu.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Mở đầu**  -Hát  - GV nhận xét.  **2. Hình thành kiến thức**  **- Chia sẻ và khám phá** (BT1: Làm quen)  **2.1.Dạy vần ân**  - HS nhận biết: **â, n;** đọc: **â - nờ - ân.**  - Phân tích vần **ân.**  - Đánh vần và đọc: **â - nờ- ân / ân.**    - Phân tích tiếng cân.  - Đánh vần, đọc: cờ - ân - cân / cân.  - Đánh vần, đọc trơn: â - nờ - ân / cờ - ân - cân / cân.  **2.2.Dạy vần ât (như vần ân)**  - Củng cố: Chúng ta vừa học 2 vần mới nào?  3. Thực hành, vận dụng  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT2: Sút bóng vào hai khung thành cho trúng)  - GV đưa lên bảng hình khung thành và các quả bóng. HS đọc từng vần, từng từ trên quả bóng: *ân, ât /đất, sân, lật đật,...*  - GV giải thích cách chơi: Mỗi cầu thủ phải sút 7 trái bóng vào đúng khung thành: bóng có vần **ân,** sút vào khung thành vần **ân;** bóng có vần **ât,** sút vào khung vần **ât.** Ai sút nhanh, trúng là thắng cuộc.    - GV chỉ từng quả bóng, cả lớp đọc nhỏ: Tiếng **đất** có vần **ât.** Tiếng **sân** có vần **ân,...**  **3.2.Tập viết** (bảng con - BT 4)    - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình viết: ân, ât, cân, vật    - GV cùng HS nhận xét  **Tiết 2**  **3.3. Tập đọc** (BT 3)  a. GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc *Chủ nhật* kể về một ngày chủ nhật ở gia đình bạn Bi, những việc mồi người trong gia đình Bi làm vào ngày hôm đó.  b. GV đọc mẫu. Sau đó, hỏi: Gia đình Bi có những ai?  GV: Chủ nhật, mỗi người trong gia đình Bi làm một việc. Cảnh gia đình Bi thật là hạnh phúc.  c. Luyện đọc từ ngữ: **chủ nhật, phở bò, giặt giũ, rửa mặt, phụ, rửa bát, gật gù.** GV giải nghĩa từ: *phụ* (giúp đỡ).  d. Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có mấy câu?  - GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu cuối bài) cho HS đọc vỡ.  - Đọc tiếp nối từng câu  - Thi đọc đoạn (3 đoạn)  g.Tìm hiểu bài  - GV nêu yêu cầu.  - Bài đọc cho em biết gì về gia đình bạn Bi?  4. Củng cố, dặn dò:  - Tìm các tiếng có vần ân, ât luyện đọc thêm. | - Cả lớp hát bài Cả nhà thương nhau  - HS đọc  - HS phân tích: Vầm ân có âm â và âm n  - HS đánh vần: CN, T, CL.  - HS nói: Cân  - Tiếng cân có âm c đứng trước vần ân đứng sau.  - HS đánh vần, đọc trơn: CN, T, CL.  - HS nói 2 vần mới học: **ân, ât,** 2 tiếng mới học: **cân, vật.**  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS tìm, nêu kết quả  - HS làm bài, báo cáo kết quả  - HS đọc  - HS đọc trên bảng những vần, tiếng vừa học: **ân, cân, ât, vật.**  - HS lắng nghe  - HS viết: **ân, ât** (2 lần). Sau đó viết: **cân, vật.**  - Gia đình Bi có bố, mẹ, Bi và bé Li.  - HS luyện đọc: CN, T, CL  - 10 câu.  - HS đọc ĐT.  - HS đọc: CN, CĐ  - Các tổ thi đọc.  - HS làm bài vào VBT, 1 HS chia sẻ.  - HSTL.  - HS thực hiện. |

*-------------------------------------------------------*

Hoạt động trải nghiệm

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**BIẾT ƠN THẦY CÔ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1**. **Kiến thức, kỉ năng:**

Sau hoạt động:

- HS có thể thể hiện tình cảm và lòng biết ơn thầy cô giáo bằng những việc làm cụ thể như: tự làm được tấm thiếp, tự vẽ bức tranh tặng các thầy cô.

**2. Năng lực:**

**-** Giao tiếp, hợp tác ; Tự chủ, tự học.

- HS có thể thể hiện tình cảm và lòng biết ơn thầy cô giáo

**3. Phẩm chất**

- Hs chăm chỉ, tích cực, hăng say, tự giác, tự tin, hoàn thành các nhiệm vụ được giao

**II. CHUẨN BỊ:**

- Dụng cụ làm thủ công như kéo, giấy màu, keo dán, sáp màu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Hoạt động khởi động:**  - Ổn định:  - GV mở băng đĩa bài hát về thầy cô  - Giới thiệu bài : Hôm nay chúng ta thực hiện tiết cuối cùng của chủ đề *Biết ơn thầy cô.*  **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1. Làm thiếp tặng thầy cô**  ***Mục tiêu:*** HS tự làm được tấm thiệp tặng các thầy cô giáo để thể hiện để thể hiện tình cảm và lòng biết ơn của bản thân với thầy cô giáo.  ***\* Cách tiến hành:***  - GV tổ chức cho HS thảo luận về các nội dung:  + Công lao của thầy cô giáo đối với các em HS.  + Vì sao HS phải biết ơn, kính trọng thầy cô giáo?  + Em sẽ làm gì để tỏ lòng biết ơn, kính trọng thầy cô giáo?  - GV hướng dẫn để HS làm các tấm bưu thiếp tặng thầy cô giáo theo gợi ý:  + Trang trí tấm bưu thiếp bên ngoài như thế nào?  + Em sẽ viết gì bên trong tấm bưu thiếp?  - GV cho HS xem mẫu một số tấm bưu thiếp tặng thầy cô giáo.  - Cho HS thực hành làm bưu thiếp  \*GV kết luận.  - Có nhiều hình thức thể hiện tình cảm của em với thầy cô giáo như lễ phép chào hỏi, vâng lời thầy cô, chăm ngoan học giỏi hoặc em tự làm một sản phẩm ý nghĩa như tấm bưu thiếp, bức tranh để tặng thầy cô.  **3. Hoạt động Khám phá-Luyện tập**  **Hoạt động 2. Chúc mừng thầy cô**  ***\* Mục tiêu:*** HS thể hiện tình cảm của bản thân với thầy cô giáo qua hoạt động gặp gỡ, chúc mừng, tặng thiếp thầy cô.  ***\* Cách tiến hành :***  - GV tổ chức cho HS thảo luận và chia sẻ:  + Khi tặng thiệp cho thầy cô em sẽ nói gì?  - GV tổ chức cho HS tự tặng các tấm bưu thiếp mà em đã làm cho các thầy cô giáo vào giờ nghỉ giải lao, hoặc cuối giờ học.  - Tổ chức cho HS chia sẻ về cảm xúc của em khi tặng thiếp thầy cô  ***\* Kết luận:***  - Để thể hiện tình cảm của em với thầy cô giáo và những người thân yêu, em có thể tặng các món quà đơn giản nhưng ý nghĩa, kèm theo cách biểu lộ tình cảm hợp lí và thái độ chân thành.  **4. Hoạt động vận dụng**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về tấm thiếp, bức tranh tự làm để tặng các thầy cô GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi: | - Hs biểu diễn theo lời bài hát  - Hs lắng nghe  - Làm việc theo nhóm 4  - Cùng thảo luận nội dung, hình thức trình bày bưu thiếp theo gợi ý của GV.  - HS quan sát.  - Thực hành theo nhóm  - Theo dõi lắng nghe  - Làm việc theo nhóm thảo luận và chia sẻ trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.  - Lắng nghe, ghi nhớ  - Lắng nghe |

----------------------------------------------------

Chiều Toán

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (TT - T1)

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1.Kiến thức, kĩ năng**

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng trừ trong phạm vi 6.*

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực:**

- Phát triển một số năng lực toán học(Năng lực Giải quyết vấn đề)

**3. Phẩm chất:**

- Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:**

***1.Giáo viên:***- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 6.

***2.Học sinh:-*** Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1.Mở đầu**  - HDHS chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 6 đã học.  **2. Hình thành kiến thức**  - HDHS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Tìm kết quả từng phép trừ trong phạm vi 6 chẳng hạn: 2 - 1 = 1;3 - 2=1;4 - 1=3;5 -3 = 2.  *-* GV giới thiệu *Bảng trừ trong phạm vỉ 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  - HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng trừ trong phạm vi 6.*  - HS đưa ra *phép trừ* và đố nhau tìm *kết quả*  - GV tổng kết  3. Thực hành, luyện tập  *Bài 1: Tính nhẩm*  - Bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  ***-*** GV nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhấm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn:  4 - 1; 5 - 1; 6 - 6, ...  *Bài 2: Tìm các phép tính có kết quả là 2.*  - HDHS tự làm bài 2:  - HDHS tự làm bài 2:  + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Chọn các phép trừ có kết quả là 2.  + Thảo luận với bạn, chia sẻ trước lớp.  - GV nêu nhận xét kết quả bài làm của HS.  4. vận dụng  - HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. Hướng dẫn các em tìm ngay trong lớp học như bàn ghế, bút, vở…  **5. Củng cố, dặn dò**  Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS chơi trò chơi.  - HS thể hiện trên các thẻ phép tính  -HS nhận xét  4 – 3 = 1 4 – 1 = 3 5 – 4 = 1  5 – 1 = 4 6 – 1 = 5 6 – 3 = 3  5 – 5 = 0 6 – 5 = 1 3 – 3 = 0  -HS Đối vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  - HS Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Thảo luận với bạn, chia sẻ trước lớp.  Các phép tính có kết quả bằng 2 là:  **4 - 2 5 - 3**  **3 - 1 6 - 4**  - Chia sẻ trước lớp.  - HS cách thực hiện phép trừ hai số bằng nhau và phép trừ cho số 0  - HS lắng nghe, ghi nhớ |

**------------------------------------------------------**

Tiếng Việt

**TẬP VIẾT (SAU BAI 58, 59)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

- Viết đúng **ăn, ăt, ân, ât, chăn, mắt, cân, vật -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ và cẩn thận cho học sinh

**II. Đồ dùng dạy học:**

**-** Bảng phụ, học liệu điện tử.

I**II. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  + Giới thiệu bài: Nêu mục đích yêu cầu bài học.  **2**. **Luyện tập, thực hành**  **a.** Cả lớp nhìn bảng, đọc: **ăn, chăn, ãt, mắt, ân, cân, ât, vật.**  **b.** Tập viết: **ăn, chăn, ăt, mắt***.*    - GV vừa viết từng chữ ghi vần, tiếng, vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh **(mắt).**  **c.** Tập viết: **ân, cân, ât, vật** (như mục b).  - GV theo dõi giúp đỡ HS viết.  **3. Vận dụng:**  - GV đọc cho học sinh viết vở ô li các tiếng, từ có vần **ăn, ăt, ân, ât.**  **4. Dặn dò**  - GV tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành bài viết. | **-** Cả lớp viết 2 tiếng có vần ăn và vần ăt.  **-** Chú ý lắng nghe.  **-** HS đọc đồng thanh.  - 1 HS đọc; nói cách viết, độ cao, khoảng cách hoặc nối nét giữa các con chữ.  - HS chú ý theo dõi.  - HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một: **ăn, chăn, ăt, mắt.**  - HS đọc.  - HS viết vào vở.  - HS nghe, viết vào vở ô li.  - HS nghe để thực hiện. |

--------------------------------------------------------

***Thứ tư, ngày 27 tháng 11 năm 2024***

Tiếng Việt

**BÀI 60: EN - ET (T1)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần **en, et;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có các vần **en, et**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **en, et**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Phố Lò Rèn*

- Viết đúng trên bảng con các vần **en, et** và các tiếng **xe ben, vẹt**

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất:**

**-**Phẩm chất chăm chỉ và cẩn thận cho học sinh

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Học liệu điện tử.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn. Vở tập viết.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Mở đầu**  - Gọi HS đọc bài *Chủ nhật*  - Bài đọc cho em biết gì về gia đình bạn Bi?  - GV nhận xét, tuyên dương  **2. Hình thành kiến thức**  2.1. Giới thiệu bài mới  2.1. Chia sẻ và khám phá(BT1: Làm quen)  **a.** Dạy vần **en**  **-** GV chỉ từng chữ **e-n**  - Phân tích vần **en**  - GV đọc **xe ben**  - Gv giải nghĩa xe ben  - Phân tích tiếng **ben**  **HĐ2 : Dạy vần et,** tiếng **vẹt**  (Các bước tương tự như dạy vần en**)**.  - So sánh vần **en** và vần **et** ?  \* Củng cố :  - Các em vừa học 2 vần gì mới ? Hai tiếng gì mới ?  - GV chỉ mô hình vần tiếng **en, ben, et, vẹt**  **3. Luyện tập, vận dụng**  **HĐ3 : Mở rộng vốn từ. (**BT2: Xếp trứng vào hai rổ cho đúng**):**  **-** GV chỉ từng vần (ở rổ)  - GV nêu cách chơi  - GV nêu YC bài tập  - GV chỉ từng tiếng: *lượm, cườm...*  - GV nhận xét chốt ý đúng  **HĐ4: Tập viết** (Bảng con- BT4)  a. viết vần **: en,** xe **ben**  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết  - GV nhận xét  b. Viết **et, vẹt**  **-** GV hướng dẫn cách viết et, vẹt  **4. Củng cố, dặn dò** | - HS hát  - 1 HS đọc và trả lời  - HS đọc CN-T-Lớp  - Vần **en** có âm **e** đứng trước, âm **n** đứng sau  - HS đọc **e-nờ-en/ en**. Cả lớp: **en**  - HS đọc tổ -lớp  -Tiếng **ben** có âm **b** đứng trước vần **en** đứng sau  - HS đọc CN-T-Lớp: **e-nờ en/bờ-en-ben/ben/** xe **ben**  - Giống: đều bắt đầu bằng âm e, khác vần **en** có âm cuối **n** vần **et** có âm cuối **t**  - HSTL  - HS đánh vần, đọc trơn  - HS đọc đồng thanh: *en, et, đèn, khen...*  - HS làm BT vào VBT  - HS nói kết quả: Trứng có tiếng **đèn** xếp vào rổ có vần **en**, Trứng có tiếng **mẹt** xếp vào rổ có vần **et .....**  **-** HS nhìn bảng đọc lại các vần, tiếng vừa học  - HS viết bảng con (2-3 lần)  - HS viết bảng con (2-3 lần)  - Đọc tiếng vừa viết trên bảng con  - HS đọc lạivần và từ mới. |

-----------------------------------------------------

Tiếng Việt

**BÀI 60: EN - ET (T2)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần **en, et;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có các vần **en, et**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **en, et**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Phố Lò Rèn*

- Viết đúng trên bảng con các vần **en, et** và các tiếng **xe ben, vẹt**

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất:**

**-**Phẩm chất chăm chỉ và cẩn thận cho học sinh

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Học liệu điện tử.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn. Vở tập viết.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết**  **1. Mở đầu**  **2. Luyện tập, vận dụng**  **HĐ4: Tập đọc (**BT3)  a. GV chỉ hình minh họa gới thiệu bài đọc *Phố Lò Rèn,*  giới thiệu ND bài tập đọc  b. GV đọc mẫu  c. Luyện đọc từ ngữ: **lò rèn, phố xá, san sát, chan chát…**  d, Luyện đọc từng câu:  + Bài văn có mấy câu?  - Đọc vỡ: GV chỉ từng câu.  - Đọc nối tiếp  e. Thi đọc nối tiếp đoạn  g. Tìm hiểu bài đọc.  - GV nêu YC, chỉ ý a, b cho HS đọc  - GVKL: Ý b đúng ( Lò rèn ở phố đỏ lửa như ở chợ quê)  **4. Củng cố, dặn dò**  - Khuyến khích HS về nhà đọc lại bài Tập đọc cho người thân nghe. | - HS hát  - 1 HS đọc và trả lời  **-** HS đọc CN, tổ- lớp  - HS đếm: 7 câu  **-** 1 HS đọc, cả lớp đọc  - HS đọc cá nhân – cặp- tổ  - HS đọc cá nhân, tổ  - HS thi đọc nối tiếp 2 đoạn đọc, cặp, tổ, lớp  - Cả lớp đọc bài ở SGK  - HS đọc trên bảng lớp  - HS đọc từ ngữ ở mỗi vế câu, làm bài vào vỡ BT  - HS trình bày kết quả  - HS đọc lại toàn bài. |

***Thứ năm, ngày 28 tháng 11năm 2024***

Tiếng Việt

**BÀI 61: ÊN, ÊT (T1,2)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần **ên, êt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ên, êt.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ên,** vần **êt.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *về quê ăn Tết.*

- Viết đúng các vần **ên, êt;** các tiếng **tên** (lửa), **tết** (trên bảng con).

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất:**

**-** Phẩm chất chăm chỉ và cẩn thận cho học sinh

**II. Đồ dùng dạy học:**

**-** Máy chiếu / phiếu ghi nội dung BT đọc hiểu.

**III. Hoạt động dạy học :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Mở đầu**  - GV kiểm tra 2 HS đọc bài *Phố Lò Rèn* (bài 60). 1 HS trả lời câu hỏi: Qua bài đọc, em biết điều gì về nghề rèn?  **2. Hình thành kiến thức**  **- Giới thiệu bài:** vần **ên,** vần **êt.**  **- Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  2.1: Dạy vần **ên**  - HS đọc từng chữ **ê, n,** vần **ên.**  **-** Phân tích vần **ên.**  **-** Đánh vần và đọc: **ê - nờ - ên / ên.**  - HS nêu từ ngữ: *tên lửa / tên.*  - Phân tích tiếng **tên.**  - Đánh vần, đọc: tờ - ên - tên / tên.  - Đánh vần, đọc trơn: ê - nờ - ên / tờ - ên - tên / tên lửa.  2.2: Dạy vần **êt** (như vần **ên)**  - Đánh vần, đọc trơn: ê - tờ - êt / tờ - êt - têt - sắc - tết / tết.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ên, êt,** 2 tiếng mới học: **tên, tết.**  **3. Luyện tập, vận dụng**  **3.1: Mở rộng vốn từ**  Bài 2: Tiếng nào có vần **ên?** Tiếng nào có vần **êt?**  - GV theo dõi, nhận xét  **3.2: Tập viết** (bảng con - BT 4)  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn HS viết **ên, êt, tên, tết**  - GV nhận xét.  **Tiết 2**  **3.3: Tập đọc** (BT 3)  - GV giới thiệu bài *Về quê ăn Tết.* cảnh gia đình Bi bên bàn thờ đêm 30 Tết.  - GV đọc mẫu.  + Luyện đọc từ ngữ: **ăn Tết, về bến, phàn nàn, chậm như sên, làm lễ, bàn thờ, lầm rầm khấn, chấm chấm khăn, sum họp.**  + Luyện đọc câu  - GV: Bài có mấy câu?.  - GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ. Có thể đọc liền 2 câu: *Mẹ phàn nàn: “Chậm như sên”*  + Đọc tiếp nối từng câu. GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu: *Cả năm / bà đã chờ nhà Bivề sum họp / bên mâm cơm Tết.*  + Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: mỗi đoạn 4 câu).  + Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC: Nói tiếp (theo nội dung bài đọc) để hoàn chỉnh câu.  - Qua bài đọc, em biết điều gì?  **4. Củng cố, dặn dò**  - Nhận xét tiết học.  - Về nhà chuẩn bị bài học sau. | -Thực hiện    - HS đọc  - HS phân tích  - HS đánh vần  - HS nêu  - HS đánh vần  - HS đánh vần, đọc trơn  - HS thực hiện  - HS nói  - HS nêu yêu cầu. Nói tên sự vật, hành động.  - Tìm tiếng có vần **ên, êt**.  - Cả lớp đồng thanh: Tiếng **nến** có vần **ên.** Tiếng **tết** có vần **êt;...**  - HS nói thêm 3 - 4 tiếng ngoài bài có vần **ên,** có vần **êt**  - HS theo dõi  - HS viết bài vào bamgr con  -HS lắng nghe  - HS luyện đọc (CN, T, ĐT)  - HSTL: 8 câu  -HS luyện đọc câu  - HS thi đọc bài  - HS thực hiện làm BT  - Một vài HS nói tiếp câu. / Cả lớp nhắc lại: a) *Nhà Bi về quê* **ăn Tết.** b) *Đêm 30, cả nhà Bi* **làm lễ bên bàn thờ.**  - Gia đình Bi rất yêu quý bà, về quê ăn Tết với bà cho bà vui. / Bà Bi rất cảm động vì con cháu trở về cùng bà đón năm mới. / Ngày Tết là ngày gia đình sum họp...  - HS đọc lại toàn bài |

*----------------------------------------------------*

Chiều Tiếng Việt

**TẬP VIẾT SAU BÀI 60, 61**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

**-** Viết đúng **en, et, ên, êt, xe ben, vẹt, tên lửa, tết -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu,

đều nét.

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất:** phẩm chất chăm chỉ và cẩn thận cho học sinh

**II. Đồ dùng dạy học:**

**-** Bảng phụ (có dòng ô li) viết vần, tiếng cần luyện.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  - GV viết: en, xe ben, et, vẹt, ên, tên lửa, êt, tết  **2. Luyện tập**  a. cho HS đọc bài trên bảng.  - GV nhận xét.  b. Tập viết: *en, xe ben, et, vẹt.*  - GV vừa viết mầu vừa hướng dẫn. Nhắc HS chú ý độ cao các con chữ (vần *en:* các con chữ cao 2 li, vần *et:* chữ *t* cao 3 li); cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh *(vẹt).*    c. Tập viết: *ên, tên lửa, êt, tết* (như mục b).  **3. Củng cố, dặn dò.**  - GV tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành | - HS đọc  - Cả lớp đọc: en, xe ben, et, vẹt, ên, tên lửa, êt, tết  - 1 HS đọc; nói cách viết các vần *en, et.*  - HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một: *en, xe ben, et, vẹt.* |

-------------------------------------------------------

Toán

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6(TT - T2)

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức**

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng trừ trong phạm vi 6.*

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực:**

- Phát triển một số năng lực toán học.

**3. Phẩm chất**

- Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:**

***1.Giáo viên:***

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 6.

***2.Học sinh:***

***-*** Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  - HDHS chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 6 đã học.  -GV nêu nhận xét về hoạt động chơi của hs.  2. Thực hành  *Bài 3: Nêu các phép tính còn thiếu.*  Căn cứ vào bảng trừ trong phạm vi 6, thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng ô?, lí giải lí do lựa chọn bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.  - GV chốt lại cách làm bài.  ***Bài 4. Tính nhẩm***  GV hướng dẫn HS cách thực hiện phép trừ hai số bằng nhau và phép trừ cho số 0. GV khuyến khích HS lấy thêm các ví dụ về phép trừ có kết quả là 0 và phép trừ cho số 0.  *Bài 5: a) Số?*  - HD HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  HS là tương tự với các trường hợp còn lại.  - GV nhận xét  4. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. Như khi em chia kẹo cho bạn, khi em cho bạn mượn que tính…  **5. Củng cố, dặn dò**  Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS chơi trò chơi “Đố bạn”  3 – 3 4 – 3 5 - 2  6 – 3 5 – 4 6 – 5  1 – 1 = 0 1 – 0 = 1 3 – 0 = 3  4 – 4 = 0 2 – 0 = 2 4 – 0 = 4  - HS thực hiện phép trừ hai số bằng nhau và phép trừ cho số 0  -HS Chia sẻ trước lớp.  -HS thực hiện  -HS trả lời  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

----------------------------------------------------------

Ôn luyện kiến thức

**TRÒ CHƠI HỌC TẬP TOÁN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1.Kiến thức**

- Củng cố *Bảng cộng trong phạm vi 10 và bảng trừ trong phạm vi* 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 và phéptrừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất:**

-Phẩm chất chăm chỉ và cẩn thận cho học sinh

**II. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  **2. Cách tiến hành**  **HĐ1 : Trò chơi ai nhanh ai đúng**  - GV chia lớp thành 3 đội chơi  Bài 1: Tính  6 + 1 = 5 + 1 = 10 + 0 =  6 + 2 = 5 + 3 = 5 + 4 =  6 + 4 = 6 + 3 = 6 + 4 =  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi và luật chơi  - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc  **HĐ2 : Trò chơi Tiếp sức**  Bài 2: Tính  5 – 0 = 5 – 1 = 6 – 2 =  6 – 0 = 4 – 3 = 5 – 4 =  6 – 1 – 2 = 6 + 2 – 3 = 3 + 3 – 0 =  6 – 4 + 5 = 5 – 5 + 9 = 4 – 3 + 7 =  - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc  **HĐ3 : Trò chơi Viết nhanh phép tính:**  Bài 3: GV nêu bài toán:  a. Lan có 6 viên bi, lan cho bạn 4 viên bi. Lan còn lại bao nhiêu viên bi?  b. Có 5 que tính, thêm 5 que tính. Có tất cả bao nhiêu que tính?  - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS xếp thứ nhất thứ hai trò chơi.  **3. Củng cố- dặn dò**  - Nhận xét tiết học  - Nhắc nhở các em về chuẩn bị bài sau. | - Hát  - HS lắng nghe  - HS chơi  - Mỗi tổ cử 4 bạn lên chơi  - HS làm bảng phụ thi nhau giữa 3 tổ  - Đại diện HS lên nêu cách tính  - HS nghe và viết nhanh phép tính vào bảng con  - HS nào viết nhanh nhất phép tính và đúng thì được xếp thứ nhất… |

*------------------------------------------------------------*

***Thứ sáu, ngày 29 tháng 11 năm 2024***

Tiếng Việt

**KỂ CHUYỆN: SƯ TỬ VÀ CHUỘT NHẮT**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Mỗi người đều có điểm mạnh riêng, không nên coi thường người khác.

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất**

- Khơi gợi tình cảm bạn bè.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Học liệu điện tử.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Mở đầu**   + GV chỉ tranh 1, 2, 3 minh họa truyện *Sói và Sóc.* Mời 2 HS lên kể lại.  + GV chỉ tranh 4, 5  + Mời 1 HS kể toàn chuyện  + GV cho học sinh nhận xét  **2. Hình thành kiến thức**  **2.1: Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện**  a. Quan sát và phỏng đoán  - GV chiếu lên bảng 6 tranh minh họa.  - Các em xem tranh và nói tên các con vật trong tranh.  - GV hãy thử đoán nội dung truyện.  b. Giới thiệu truyện  - GV giới thiệu tên truyện **Sư tử và chuột nhắt**  **2.2. Luyện tập, vận dụng**  **a. GV kể chuyện**  + GV kể lần 1: kể không chỉ tranh  + GV kể lần 2: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.  + GV kể lần 3: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.  Nội dung câu chuyện: (Trong SGV)  **b. Trả lời câu hỏi theo tranh.**  + GV nêu lần lượt các câu hỏi dưới mỗi tranh  - GV chỉ tranh 1, 2 cho học sinh trả lời các câu hỏi theo 2 tranh  - Tiếp tục cho HS trả lời câu hỏi với các cặp tranh còn lại.  - GV cho HS trả lời cả 6 câu hỏi theo 6 bức tranh.  **c. Kể chuyện theo tranh**  - GV yêu cầu mỗi HS chọn 1 tranh và tự kể chuyện theo tranh đó.  - GV gọi HS lên kể trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét bạn kể  \* Trò chơi : Ô cửa sổ.  - GV chiểu lên bảng các ô cửa sổ (6 ô cửa sổ)  - GV mở cửa sổ để hiện ra hình minh họa đoạn chuyện.  - GV cho HS chơi trò chơi  - GV mở cả 6 tranh yêu cầu 1 HS kể lại toàn bộ câu chuyện.  - GV cất tranh mời HS kể lại câu chuyện.  **d. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?  - GV nêu kết luận ý nghĩa câu chuyện: *Mỗi người đều có điểm mạnh riêng, không nên coi thường người khác.*  - GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay  - Về nhà kể lại cho người thân nghe  **3. Cũng cố dặn dò:**  - Xem trước tranh minh họa, chuẩn bị cho tiết kể chuyện sau: Mây đen và mây trắng. | - 1 HS lên kể  - 1 HS lên kể  - HS xung phong  - HS quan sát  - HS quan sát chia sẻ theo cặp  - HS đoán ND câu chuyện  - HS lắng nghe  + HS lắng nghe GV kể  + HS lắng nghe và quan sát tranh  + HS lắng nghe và quan sát tranh  + HS nối tiếp nhau trả lời (mỗi bức tranh 2 HS trả lời  - HS trả lời  - 1 HS trả lời câu hỏi ở cả 6 tranh.  - HS tự chọn tranh và tập kể theo tranh.  - HS xung phong lên kể tranh mình đã chọn.  - HS theo dõi và chọn ô cửa sổ mình thích.  - HS nhìn hình minh họa và kể lại chuyện.  - HS xung phong kể  - HS xung phong lên kể chuyện  - HS trả lời  - HS lắng nghe. |

--------------------------------------------------

Tiếng Việt

**BÀI 63: ÔN TẬP**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Cua, cò và đàn cá* (1).

- Nghe viết lại đúng chính tả 1 câu văn.

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ và cẩn thận cho học sinh

**II.Đồ dùng dạy học:**

**-** Phiếu khổ to ghi 4 ý của BT đọc hiểu.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**  **- Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Luyện tập, vận dụng**  **2.1. BT 1** (Tập đọc)  - GV chỉ hình, giới thiệu: Hôm nay các em học phần đầu của truyện Cua, *cỏ và đàn cá.* Đây là hình ảnh cò đang cắp một con cá bay đi. Chuyện gì đã xảy ra?  + GV đọc mẫu.  + Luyện đọc từ ngữ: **kiếm ăn, ven hồ, ra vẻ thật thà, dăm hôm, tát cạn, xóm bên, chén hết.**  + Luyện đọc câu  - GV: Bài có 7 câu. / GV chỉ cho HS đọc vỡ từng câu.  + Đọc tiếp nối từng câu (vài lượt).  + Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: 3 câu/4 câu).  + Tìm hiểu bài đọc  - GV gắn lên bảng phiếu ghi nội dung BT: Trong 4 ý tóm tắt truyện, ý 1 và 4 đã biết. Cần đánh số TT xác định ý nào là ý 2, ý nào là ý 3.  - GV: Phần 1 của câu chuyện cho em biết điều gì?  **2.3: Bài 2** (Nghe viết)  - GV viết lên bảng câu văn cần nghe viết.  - Cả lớp đọc câu văn, chú ý từ nào mình dễ viết sai (VD: *kiếm, ven).*  - HS gấp SGK. GV sẽ đọc 3 tiếng một (*Cò kiếm ăn - ở ven hồ)* cho .  - GV đọc lại câu văn, sửa lỗi.  - GV chữa bài, nhận xét chung.  **3. Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học  - Về nhà ôn lại bài | -Lắng nghe  - HS Luyện đọc từ ngữ  - HS Luyện đọc câu  - HS thực hiện  - 1 HS báo cáo kết quả: 1) Cò lừa đàn cá... 3) Cò hứa... 2) Đàn cá nhờ... 4) Đàn cá để cò...).  - Cả lớp đọc 4 ý.  - Đàn cá thật thà. Cò gian xảo, lừa đàn cá.  - HS đọc bài  - HS đổi bài với bạn để sửa lỗi cho nhau. |

------------------------------------------------------------

Chiều

Toán

**LUYỆN TẬP**

**I.Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng đuợc kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực**:

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề vào một số tình huống thực tế.

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất:**

**-** Phẩm chất chăm chỉ và cẩn thận cho học sinh

**II. Đồ dùng dạy học:**

***1.Giáo viên:***- Các thẻ phép tính.

***2.Học sinh:***- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**  - GV cho học sinh chơi trò chơi “Đố bạn”  2. Thực hành, luyện tập  ***Bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài***  **-** HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính).  - GV nhận xét, chữa bài và tuyên dương  *Bài 2: Tính nhẩm.*  - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng trừ trong phạm vi 6* để tính).  - GV nhận xét, chữa bài và tuyên dương  *Bài 3:Số?*  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và lựa chọn số thích hợp vào mỗi ô dấu ? của từng phép tính tương ứng sao cho các phép tính trong mỗi ngôi nhà có kết quả bằng số ghi trên mái nhà. Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.  - GV chốt lại cách làm, gợi ý HS xem còn phép trừ nào cho kết quả bằng số ghi trên mái nhà nữa không.  ***Bài 4. Số:*** ChoHS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  GV nhận xét bài  *Bài 5: Xem tranh rồi nêu các phép tính trừ thích hợp*  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe mỗi tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.  -GV nhận xét bài  3.Củng cố, dặn dò  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 đế hôm sau chia sẻ với các bạn. | -HS chơi “Đố bạn” tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 6 đã học.  - HS thực hiện  3 – 2 = 1 6 – 5 = 1 5 – 1 = 4  4 – 3 = 1 6 – 3 = 3 4 – 2 = 2  5 – 3 = 2 5 – 2 = 3  2 – 1 = 1 5 – 5 = 0 5 – 0 = 5  5 – 4 = 1 6 – 6 = 0 6 – 0 = 6  - HS lắng nghe, chú ý.  - HS thực hiện  HS đổi vở, đặt và trả lời các câu hỏi để kiểm tra kết quả các phép tính vừa thực hiện  - HS thực hiện  Trong lồng có 5 con chim. Có 1 con bay ra khỏi lồng. Còn lại bao nhiêu con chim?  Chọn phép trừ 5 - 1 = 4. Còn lại 4 con chim.  -HS chú ý lắng nghe.  - HS thực hiện Chia sẻ trước lớp.  + Có 5 con vịt, 1 con đã lên bờ. Còn lại mấy con vịt dưới ao?  Thực hiện phép trừ 5 - 1 = 4.  -HS chú ý lắng nghe.  -HS suy nghĩ và nêu  -Lắng nghe và ghi nhớ. |

-----------------------------------------------------------------------

Ôn luyện kiến thức

**TRÒ CHƠI HỌC TẬP TIẾNG VIỆT**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

- Cũng cố cách đánh vần, đọc đúng các vần và tiếng chứa các vần đã học

- Viết trên bảng con đúng và đảm bảo tốc độ 1 số tiếng chứa vần đã học

- Nối đúng câu1 số câuchứa các vần đã học**.**

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất:**

-Phẩm chất chăm chỉ và cẩn thận cho học sinh

**II. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**  **2. Cách tiến hành**  **HĐ1 : Trò chơi ô chữ:**  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi và luật chơi  - GV chiếu lên bảng các ô chữ chứa các từ (Mỗi ô chứa 1 từ:  **um tùm, quả muỗm, chum nho, tôm hùm, nườm nượp, hộp sữa, khiếp vía. mũm mĩm, búp chè, nơm nớp, lăn tăn….)**  - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS đọc đúng, đảm bảo tốc độ , đọc trơn  **HĐ2 : Trò chơi chèo thuyền:**  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi và luật chơi  VD: 1 HS nêu chèo thuyền chèo thuyền, thuyền Lan chở gì, thì HS Lan trả lời : Thuyền Lan chở **làn,** thì HS cả lớp viết **làn** vào bảng con….  - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS viết đúng, viết đẹp đảm bảo tốc độ.  **HĐ3 : Trò chơi Ai nhanh, ai đúng:**  GV chuẩn bị 3 bảng phụ viết:  Nối đúng:  a. Hà 1. Ngắm Hà, tủm tỉm  b. Bà 2. chăm chỉ giúp bà  c. Quạ 3. sắp chộp gà nhép  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi và luật chơi  - GV chia lớp thành 3 đội chơi  - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc  **3. Cũng cố, dặn dò**  **-** Nhận xét tiết học, tuyên dương những em đọc tốt, viết đẹp | - HS hát và khởi động theo nhạc.  - HS lắng nghe  - HS chơi  - 1 HS được lựa chọn 1 ô, khi ô mở ra, HS đó đọc từ chứa ở ô đó  - HS đọc lại các từ (cá nhân, tổ, lớp)  - HS chơi: Khi HS trả lời tiếng nào thì HS cả lớp viết vào bảng con tiếng mà bạn vừa đọc  - HS theo dõi  - HS lắng nghe  - Mối tổ cử 3 bạn lên chơi  - HS lắng nghe |

**--------------------------------------------------------------------**

Hoạt động trải nghiệm(3)

**SINH HOẠT LỚP - EM VÀ CÁC BẠN ĐÃ LÀM GÌ ĐỂ TỎ LÒNG BIẾT ƠN THẦY CÔ?**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1.Kiến thức,kĩ năng**

- Tự đánh giá được việc làm của bản thân và của bạn khác liên quan tới chủ đề biết ơn thầy cô.

- Có ý thức và thái độ tích cực tham gia thực hiện được những hành vi, việc làm cụ thể để tỏ lòng biết ơn thầy cô.

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất:**

- Phẩm chất yêu quý và biết ơn thầy cô giáo

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ổn định: Hát**  **2. Các bước sinh hoạt:**  **2.1. Nhận xét trong tuần 12**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục.*  *+ Chuẩn bị bài, đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 13***  - Thực hiện dạy tuần 13, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Tỏ lòng biết ơn thầy cô.***  - GV tổ chức cho HS chia sẻ về những việc em và các bạn đã làm để tỏ lòng biết ơn thầy cô giáo theo gợi ý:  – Em đã làm gì để tỏ lòng biết ơn thầy cô giáo?  - Cảm xúc của em khi em làm được một việc cụ thể để tỏ lòng biết ơn thầy cô giáo?.)  - GV cùng HS nhận xét | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS lên chia sẻ trước lớp.  - Nhận xét bạn |

--------------------------------------------------------------